HUYỆN ĐẮK MIL - TỈNH ĐẮK NÔNG
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ ĐẮK MIL ĐẾN NĂM 2030
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG THEO TỪNG GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

BẢNG CT SDĐ CTCC,CQ

BẢNG CT SDĐ CTCC,CQ

BẢNG CHỈ TIÊU SDĐ CÂY XANH

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2011			Quy hoạch 2020			Quy hoạch 2030		
		Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng	Ha	%	m2/ng
	Tổng diện tích đất tự nhiên	4638,1			4638,1			4638,1		
	- Đất xây dựng đô thị	551,4			2482,7			2781,4		
	- Đất khác	4086,7			2155,3			1856,7		
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	551,4	100,0	151,6	2482,7	100,0	389,5	2781,4	100,0	346,8
I	Đất dân dụng	358,2	65,0	98,5	1641,9	66,1	322,7	1920,5	69,0	292,0
-	Đất các đơn vị ở	263,5	47,8	72,4	1153,9	48,1	234,0	1380,0	49,6	209,8
-	Đất CTCC đô thị	10,1	1,8	2,8	20,4	0,8	4,0	26,3	0,9	4,0
-	Đất cây xanh, TDTT	3,5	0,6	1,0	45,8	1,8	9,0	59,2	2,1	9,0
-	Đất giao thông đô thị	81,0	14,7	22,3	381,8	15,4	75,0	454,9	16,4	69,2
II	Đất ngoài dân dụng	193,2	35,0	53,1	840,8	33,9	66,9	860,9	31,0	54,8
-	Đất cơ quan, trường chuyên nghiệp, TMDV	15,6	2,8		77,4	3,1		90,5	3,3	
-	Đất CN, TTCN, kho tàng	49,3	8,9		69,8	2,8		69,8	2,5	
-	Đất giao thông đối ngoại	29,7	5,4		89,7	3,6		89,7	3,2	
-	Đất an ninh quốc phòng	72,6	13,2		72,6	2,9		72,6	2,6	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, CT đầu mối....	16,5	3,0		21,0	0,8		28,0	1,0	
-	Đất tôn giáo, di tích lịch sử, văn hoá	9,8	1,8		9,8	0,4		9,8	0,4	
-	Đất du lịch				144,1	5,8		144,1	5,2	
-	Đất dự trữ phát triển đô thị				356,5	14,4		356,5	12,8	
B	Đất khác	4086,7			2155,3			1856,7		
1	Đất nông nghiệp	3789,6			1889,6			1620,4		
2	Đất sông, suối và mặt nước	238,2			208,2			188,8		
3	Đất chuyên dùng khác	58,4			55,0			45,0		
4	Đất chưa sử dụng	10,5			5,5			2,5		

BẢNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ CÂN BẰNG ĐẤT

TT	Hạng mục	Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 2030		Điều chỉnh cục bộ 2030		Tăng, giảm (+;-/ha)
		ha	m2/ng	ha	%	
	Tổng diện tích đất tự nhiên	4.638,08		4.638,08		
	- Đất xây dựng đô thị	2.781,41		2.783,87		+2,46
	- Đất khác	1.856,67	370,85	1.854,21		-2,46
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	2.781,41	346,75	2.783,87	100,00	+2,46
I	Đất dân dụng	1.920,48	291,97	1.926,23	69,19	+5,75
-	Đất các đơn vị ở	1.380,03	209,81	1.379,01	49,54	-1,02
-	Đất CTCC đô thị	26,31	4,00	26,31	0,95	
-	Đất cây xanh, TDTT	59,20	9,00	66,00	2,37	+6,80
-	Đất giao thông đô thị	454,94	69,17	454,91	16,34	-0,03
II	Đất ngoài dân dụng	860,93	54,78	857,64	30,81	-3,29
-	Đất cơ quan, trường chuyên nghiệp, TMDV...	90,45	1,15	85,49	3,07	-4,96
-	Đất CN, TTCN, kho tàng	69,76		71,43	2,57	+1,67
-	Đất giao thông đối ngoại	89,68		89,68	3,22	
-	Đất an ninh quốc phòng	72,59		72,59	2,61	
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, CT đầu mối....	28,00		28,00	1,01	
-	Đất tôn giáo, di tích lịch sử, văn hoá	9,81		9,81	0,35	
-	Đất du lịch	144,11		144,11	5,18	
-	Đất dự trữ phát triển đô thị	356,53		356,53	12,81	
B	Đất khác	1.856,67		1.854,21		-2,46
1	Đất nông nghiệp	1.620,39		1.617,93		-2,46
2	Đất sông, suối và mặt nước	188,78		188,78		
3	Đất chuyên dùng khác	45,00		45,00		
4	Đất chưa sử dụng	2,50		2,50		

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT TOÀN ĐÔ THỊ TÍNH ĐẾN NĂM 2030 SAU ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
N1	404204.69	1376927.75	26.6
N2	404216.95	1376904.18	15.1
N3	404203.65	1376897.00	26.5
N4	404191.70	1376920.61	14.8
N1	404204.69	1376927.75	

VỊ TRÍ CHI CỤC THUẾ HUYỆN ĐẮK MIL (CŨ) NẰM TRONG QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ ĐẮK MIL ĐẾN NĂM 2030 ĐƯỢC UBND TỈNH ĐẮK NÔNG PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 661/QĐ-UBND NGÀY 31/5/2012. QUA ĐỐI CHIẾU, VỊ TRÍ THỬA ĐẤT ĐƯỢC QUY HOẠCH LÀ ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO VÀ MỘT PHẦN THUỘC LỘ GIỚI ĐẤT GIAO THÔNG (KHOẢNG 55,63M2). VỀ MẬT ĐỘ XÂY DỰNG, CHIỀU CAO TẦNG THỰC HIỆN THEO QUY HOẠCH CHI TIẾT HOẶC THIẾT KẾ ĐÔ THỊ DO UBND CẤP HUYỆN THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT.
4-TM6(ĐC))
- VỊ TRÍ: 4-HT2;
- QUY MÔ: 0,04HA.

BẢNG CT SDĐ CTCC,CQ

BẢNG CT SDĐ Ở DÀI HẠN

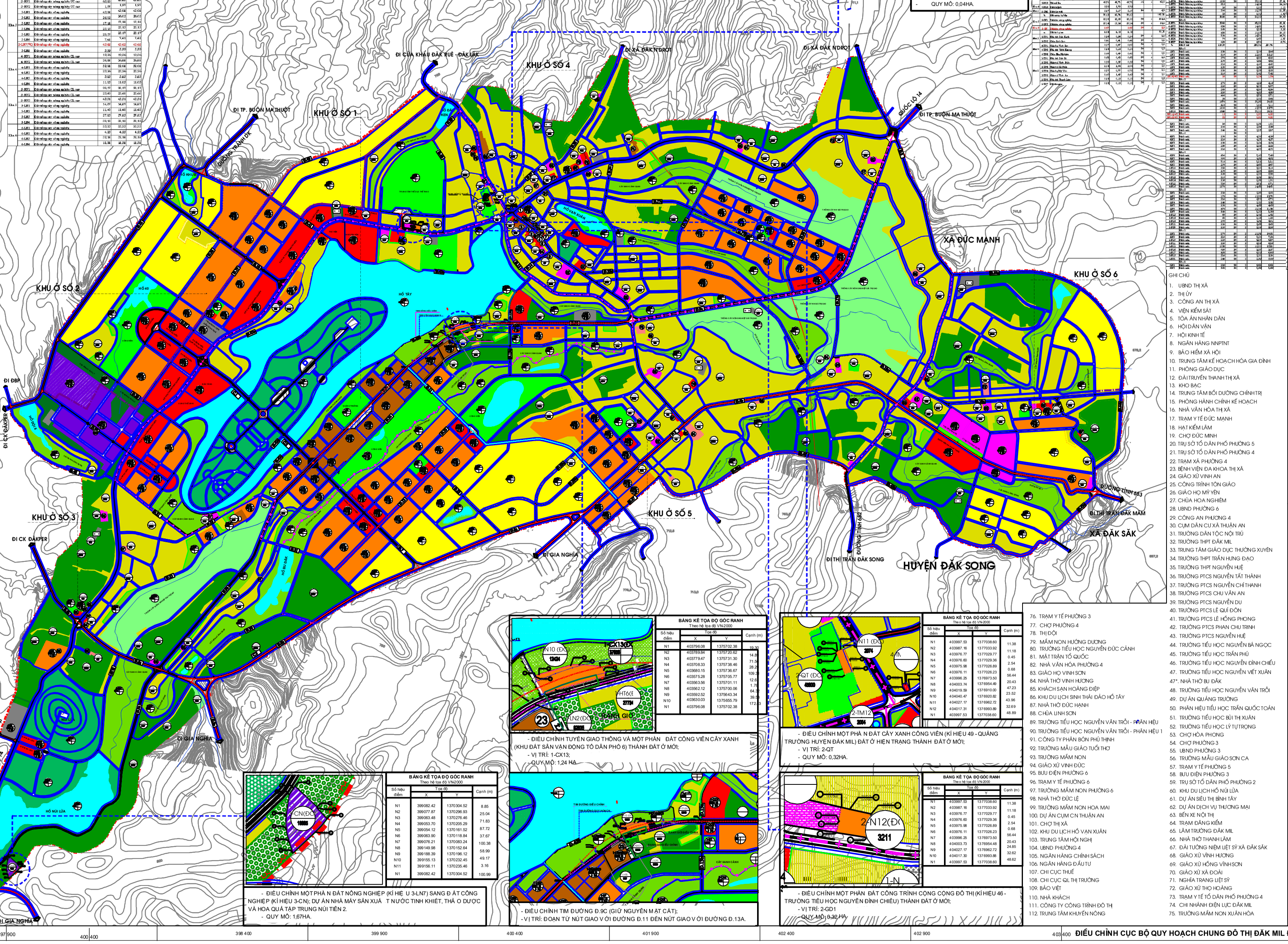

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
N1	403796.08	1375702.38	19.30
N2	403789.84	1375720.62	14.8
N3	403779.47	1375731.30	71.5
N4	403708.33	1375738.46	28.2
N5	403680.15	1375736.67	109.3
N6	403575.28	1375705.77	12.6
N7	403563.56	1375701.11	1.78
N8	403562.12	1375700.06	64.32
N9	403592.52	1375643.34	39.58
N10	403630.03	1375655.79	172.3
N1	403796.08	1375702.38	

- ĐIỀU CHỈNH TUYẾN GIAO THÔNG VÀ MỘT PHẦN ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH (KHU ĐẤT SÂN VẬN ĐỘNG TỔ DÂN PHỐ 6) THÀNH ĐẤT Ở MỚI;
- VỊ TRÍ: 1-CX13;
- QUY MÔ: 1,24 HA.

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
N1	403997.53	1377038.60	11.38
N2	403987.16	1377033.92	11.18
N3	403976.77	1377029.77	0.45
N4	403976.60	1377029.36	2.54
N5	403975.98	1377026.89	0.68
N6	403976.11	1377026.23	56.44
N7	403996.25	1376973.50	20.43
N8	404003.74	1376954.49	47.23
N9	404019.59	1376910.00	23.52
N10	404040.47	1376920.82	43.96
N11	404027.17	1376962.72	32.69
N12	404017.31	1376993.89	48.89
N1	403997.53	1377038.60	

- ĐIỀU CHỈNH MỘT PHẦN ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN (KÍ HIỆU 49 - QUẢNG TRƯỜNG HUYỆN ĐẮK MIL) ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG THÀNH ĐẤT Ở MỚI;
- VỊ TRÍ: 2-QT
- QUY MÔ: 0,32HA.

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
N1	399082.42	1370304.52	8.85
N2	399077.87	1370296.93	25.04
N3	399063.48	1370276.46	71.83
N4	399053.70	1370205.29	87.72
N5	399054.12	1370161.52	37.67
N6	399063.90	1370118.84	100.38
N7	399076.21	1370083.24	58.99
N8	399149.98	1370152.64	49.17
N9	399188.39	1370196.12	3.16
N10	399155.13	1370232.45	100.99
N11	399156.11	1370235.46	
N1	399082.42	1370304.52	

- ĐIỀU CHỈNH MỘT PHẦN ĐẤT NÔNG NGHIỆP (KÍ HIỆU 3-LN7) SANG ĐẤT CÔNG NGHIỆP (KÍ HIỆU 3-CN); DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC TINH KHIẾT, THẢO DƯỢC VÀ HOA QUẢ TẬP TRUNG NÚI TIÊN 2.
- QUY MÔ: 1,67HA.

- ĐIỀU CHỈNH TIM ĐƯỜNG Đ.9C (GIỮ NGUYÊN MẶT CẮT);
- VỊ TRÍ: ĐOẠN TỪ NÚT GIAO VỚI ĐƯỜNG Đ.11 ĐẾN NÚT GIAO VỚI ĐƯỜNG Đ.13A.

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
N1	403997.53	1377038.60	11.38
N2	403987.16	1377033.92	11.18
N3	403976.77	1377029.77	0.45
N4	403976.60	1377029.36	2.54
N5	403975.98	1377026.89	0.68
N6	403976.11	1377026.23	56.44
N7	403996.25	1376973.50	20.43
N8	404003.73	1376954.48	24.85
N9	404027.17	1376962.72	32.62
N10	404017.30	1376993.88	48.62
N1	403997.53	1377038.60	

- ĐIỀU CHỈNH MỘT PHẦN ĐẤT CÔNG TRÌNH CỘNG CỘNG ĐÔ THỊ (KÍ HIỆU 46 - TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU) THÀNH ĐẤT Ở MỚI;
- VỊ TRÍ: 2-GD1
- QUY MÔ: 0,32 HA.

GHI CHÚ

1. UBND THỊ XÃ
2. THỊ ỦY
3. CÔNG AN THỊ XÃ
4. VIỆN KIỂM SÁT
5. TÒA ÁN NHÂN DÂN
6. HỘI DÂN VẬN
7. HỘI KINH TẾ
8. NGÂN HÀNG NNPTNT
9. BẢO HIỂM XÃ HỘI
10. TRUNG TÂM KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
11. PHÒNG GIÁO DỤC
12. ĐÀI TRUYỀN THANH THỊ XÃ
13. KHO BẠC
14. TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ
15. PHÒNG HÀNH CHÍNH KẾ HOẠCH
16. NHÀ VĂN HÓA THỊ XÃ
17. TRẠM Y TẾ ĐỨC MẠNH
18. HẠT KIỂM LÂM
19. CHỢ ĐỨC MINH
20. TRỤ SỞ TỔ DÂN PHỐ PHƯỜNG 5
21. TRỤ SỞ TỔ DÂN PHỐ PHƯỜNG 4
22. TRẠM XÁ PHƯỜNG 4
23. BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ
24. GIÁO XỨ VINH AN
25. CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
26. GIÁO HỌ MỸ YÊN
27. CHÙA HOA NGHIÊM
28. UBND PHƯỜNG 6
29. CÔNG AN PHƯỜNG 4
30. CỤM DÂN CƯ XÃ THUẬN AN
31. TRƯỜNG DÂN TỘC NỘI TRÚ
32. TRƯỜNG THPT ĐẮK MIL
33. TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
34. TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
35. TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ
36. TRƯỜNG PTCS NGUYỄN TẤT THÀNH
37. TRƯỜNG PTCS NGUYỄN CHÍ THANH
38. TRƯỜNG PTCS CHU VĂN AN
39. TRƯỜNG PTCS NGUYỄN DU
40. TRƯỜNG PTCS LÊ QUÍ ĐÔN
41. TRƯỜNG PTCS LÊ HỒNG PHONG
42. TRƯỜNG PTCS PHAN CHU TRINH
43. TRƯỜNG PTCS NGUYỄN HUỆ
44. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN BÁ NGỌC
45. TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN PHÚ
46. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
47. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIẾT XUÂN
47*. NHÀ THỜ BU ĐĂK
48. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI
49. DỰ ÁN QUẢNG TRƯỜNG
50. PHÂN HIỆU TIỂU HỌC TRẦN QUỐC TOẢN
51. TRƯỜNG TIỂU HỌC BÙI THỊ XUÂN
52. TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG
53. CHỢ HÒA PHONG
54. CHỢ PHƯỜNG 3
55. UBND PHƯỜNG 3
56. TRƯỜNG MẪU GIÁO SƠN CA
57. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 5
58. BƯU ĐIỆN PHƯỜNG 3
59. TRỤ SỞ TỔ DÂN PHỐ PHƯỜNG 2
60. KHU DU LỊCH HỒ NÚI LỬA
61. DỰ ÁN SIÊU THỊ BÌNH TÂY
62. DỰ ÁN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
63. BẾN XE NỘI THỊ
64. TRẠM ĐĂNG KIỂM
65. LÂM TRƯỜNG ĐẮK MIL
66. NHÀ THỜ THANH LÂM
67. ĐÀI TƯỞNG NIỆM LIỆT SỸ XÃ ĐẮK SẮK
68. GIÁO XỨ VĨNH HƯƠNG
69. GIÁO XỨ HỒNG VĨNH SƠN
70. GIÁO XỨ XÃ ĐOÀI
71. NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
72. GIÁO XỨ THỌ HOÀNG
73. TRẠM Y TẾ TỔ DÂN PHỐ PHƯỜNG 4
74. CHI NHÁNH ĐIỆN LỰC ĐẮK MIL
75. TRƯỜNG MẦM NON XUÂN HÒA
76. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 3
77. CHỢ PHƯỜNG 4
78. THỊ ĐỘI
79. MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG
80. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN ĐỨC CẢNH
81. MẶT TRẬN TỔ QUỐC
82. NHÀ VĂN HÓA PHƯỜNG 4
83. GIÁO HỌ VINH SƠN
84. NHÀ THỜ VINH HƯƠNG
85. KHÁCH SẠN HOÀNG ĐIỆP
86. KHU DU LỊCH SINH THÁI ĐẢO HỒ TÂY
87. NHÀ THỜ ĐỨC HẠNH
88. CHÙA LINH SƠN
89. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI - PHÂN HIỆU
90. TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI - PHÂN HIỆU 1
91. CÔNG TY PHÂN BÓN PHÚ THỊNH
92. TRƯỜNG MẪU GIÁO TUỔI THƠ
93. TRƯỜNG MẦM NON
94. GIÁO XỨ VINH ĐỨC
95. BƯU ĐIỆN PHƯỜNG 6
96. TRẠM Y TẾ PHƯỜNG 6
97. TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG 6
98. NHÀ THỜ ĐỨC LỆ
99. TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI
100. DỰ ÁN CỤM CN THUẬN AN
101. CHỢ THỊ XÃ
102. KHU DU LỊCH HỒ VẠN XUÂN
103. TRUNG TÂM HỘI NGHỊ
104. UBND PHƯỜNG 4
105. NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
106. NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
107. CHI CỤC THUẾ
108. CHI CỤC QL THỊ TRƯỜNG
109. BẢO VIỆT
110. NHÀ KHÁCH
111. CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
112. TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG 2020 2030

- RANH GIỚI QUỐC GIA
- RANH GIỚI HUYỆN
- RANH GIỚI THỊ XÃ (20.000HA)
- RANH GIỚI PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH(4.650HA)
- RANH GIỚI KHU Ở
- RANH GIỚI QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG CỘNG, DỊCH VỤ
- ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG
- ĐẤT Ở MỚI
- ĐẤT GIÁO DỤC
- ĐẤT TÔN GIÁO TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH - TDTT

HIỆN TRẠNG 2020 2030

- ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN
- ĐẤT DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG
- ĐẤT SÔNG SUỐI MẶT NƯỚC
- ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- ĐẤT QUÂN SỰ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI
- ĐẤT TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT GIAO THÔNG
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH
- TUYẾN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK NÔNG
KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ:

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ:
CÔNG TRÌNH:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ ĐẮK MIL ĐẾN NĂM 2030
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN ĐẮK MIL, HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG
TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG THEO TỪNG GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

KÝ HIỆU: QH-04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: 1/5000	THÁNG: ....../2024
THIẾT KẾ	KTS. LÊ ĐẶNG QUỲNH TRANG		
CHỦ TRÌ			
CHỦ NHIỆM	KTS. PHẠM BÍCH HIỀN		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. NGUYỄN NGỌC THU NGA		
GIÁM ĐỐC:			

HÙNG ĐẠT
CÔNG TY TNHH
TƯ VẤN XÂY DỰNG HÙNG ĐẠT
ĐỊA CHỈ: 12B NGUYỄN SƠN - TP BUÔN MA THUỘT - ĐẮK LẮK
TEL: 0262 3. 841 062 - FAX:0262 3.841062